

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK



DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 31.1.2026 - TRÌNH ĐỘ HSK (五级) 口语 - IE 4.13

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	HC2601850200000025	LUƠNG THI PHƯƠNG THAO	女	2008-05-17	010308004025	IE 4.13	
2	HC2601850200000026	TRAN THANH TRUC	女	2009-11-06	001309000473	IE 4.13	
3	HC2601850200000027	PHAM MINH HUYEN	女	2001-06-27	036301004022	IE 4.13	
4	HC2601850200000028	TRAN BAO ANH	女	2001-11-05	031301002706	IE 4.13	
5	HC2601850200000029	BE TIEN VUNG	男	2004-04-20	064204008582	IE 4.13	
6	HC2601850200000030	LANH THUY DIEM	女	2007-03-30	020307003805	IE 4.13	
7	HC2601850200000031	NGUYEN TU MAI LINH	女	2001-11-10	031301001211	IE 4.13	
8	HC2601850200000032	VO THI QUYNH ANH	女	2005-09-05	040305013855	IE 4.13	
9	HC2601850200000033	NGUYEN CHI MAI	女	2008-12-15	001308024611	IE 4.13	
10	HC2601850200000034	BUI NGOC MAI	女	2008-07-10	026308000166	IE 4.13	
11	HC2601850200000035	VO GIA KIET	男	2007-06-20	001207012623	IE 4.13	
12	HC2601850200000036	LE THI THUY LINH	女	2003-11-18	033303006387	IE 4.13	
13	HC2601850200000037	TRAN XUAN NGHIA	男	1997-07-15	C4598354	IE 4.13	
14	HC2601850200000038	NGUYEN KHANH UYEN	女	2008-10-12	001308027605	IE 4.13	
15	HC2601850200000039	HOANG VU THUY LINH	女	1996-09-15	017196007353	IE 4.13	
16	HC2601850200000040	LE MINH HOAI LINH	女	2003-01-25	038303012556	IE 4.13	
17	HC2601850200000041	DINH THI DIEU	女	1998-09-15	020198006777	IE 4.13	
18	HC2601850200000042	NGUYEN NGOC THACH THAO	女	2005-08-29	E02671195	IE 4.13	
19	HC2601850200000043	DAO THI HUYEN TRANG	女	2002-08-31	p02165760	IE 4.13	
20	HC2601850200000044	VUONG THI NGUYET ANH	女	2004-06-26	036304001812	IE 4.13	
21	HC2601850200000045	PHAN THI MINH THU	女	2000-11-13	024300010778	IE 4.13	
22	HC2601850200000046	DANG DINH BACH	男	2004-01-26	022204000082	IE 4.13	
23	HC2601850200000047	PHAN THI HOAI	女	1986-02-20	006186000985	IE 4.13	



DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 31.1.2026 - TRÌNH ĐỘ HSK (五级) 口语 - LE 4.12

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	HC2601850200000001	NGUYEN THANH THIEN	女	1999-08-03	034199000237	LE 4.12	
2	HC2601850200000002	PHUNG THI HUONG GIANG	女	2002-11-04	027302001256	LE 4.12	
3	HC2601850200000003	NGUYEN THI KIM THOA	女	2003-05-25	001303012779	LE 4.12	
4	HC2601850200000004	PHUONG THANH HOA	女	2004-02-24	027304009349	LE 4.12	
5	HC2601850200000005	NGUYEN THI TRUC QUYNH	女	2002-07-03	015302000247	LE 4.12	
6	HC2601850200000006	LUONG VAN MANH	男	2000-07-25	010200004394	LE 4.12	
7	HC2601850200000007	HOANG CHI CONG	男	2008-05-24	020208005570	LE 4.12	
8	HC2601850200000008	TRAN CHI HAN	女	2008-10-15	020308003244	LE 4.12	
9	HC2601850200000009	CU THU VAN	女	2008-12-07	025308014277	LE 4.12	
10	HC2601850200000010	NGOC THI MINH THOA	女	1989-07-24	025189014422	LE 4.12	
11	HC2601850200000011	TRAN NAM KHANH	男	2005-02-11	042205007603	LE 4.12	
12	HC2601850200000012	NGUYEN CHU NGOC BICH	女	2004-12-07	001304046586	LE 4.12	
13	HC2601850200000013	HOANG THI THANH HA	女	2000-11-06	020300000085	LE 4.12	
14	HC2601850200000014	NGUYEN PHUONG LINH	女	2008-02-23	035308008670	LE 4.12	
15	HC2601850200000015	LE PHAM NAM PHUONG	女	2008-04-12	079308015855	LE 4.12	
16	HC2601850200000016	NGUYEN THANH CAM	女	1989-12-06	036189004219	LE 4.12	
17	HC2601850200000017	NGUYEN DUONG ANH HONG	女	1999-02-20	068199010918	LE 4.12	
18	HC2601850200000018	DANG NGOC THAO LINH	女	2009-02-23	027309003298	LE 4.12	
19	HC2601850200000019	SUTTHIPHAN,WANSIKA	女	2004-03-13	AD2360135	LE 4.12	
20	HC2601850200000020	LY CAO DUY KHANH	男	2007-11-26	001207048564	LE 4.12	
21	HC2601850200000021	HOANG THI ANH NGUYET	女	1998-01-28	019198004251	LE 4.12	
22	HC2601850200000022	LE THI DUNG	女	1995-08-20	038195000526	LE 4.12	
23	HC2601850200000023	NGUYEN TUYET LIEN	女	2008-06-24	027308003455	LE 4.12	
24	HC2601850200000024	TRAN NGOC ANH	女	2008-01-11	001308049742	LE 4.12	